

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20/6/2022

Về việc: “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Nguyễn Bá Long

2, Bà Ngô Thị Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thụ lý số 179/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXX- ST ngày 07/6/2022 của Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1994

Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1985

Đều cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa. Nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày: Chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/10/2011 tại UBND xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C tính gia trưởng, không quan tâm đến vợ con mà hay uống rượu chửi mắng vợ con, chị động viên góp ý anh C không nghe mà còn có lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm và đánh đập chị nhiều lần, mâu thuẫn vợ chồng đã được bạn

bè, gia đình và đoàn thể địa phương hòa giải nhiều lần nhưng anh C vẫn chứng nào tật ấy, năm 2020 chị đã làm đơn xin ly hôn một lần, sau đó anh C xin tha thứ và hứa quan tâm, thương yêu vợ con nên chị rút đơn về vợ chồng để đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng được thời gian ngắn anh C lại chứng nào tật ấy, cuối năm 2021 mâu thuẫn mâu thuẫn trầm trọng, anh C đánh đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà, buộc chị và hai con phải sang nhà mẹ đẻ cùng thôn sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm tới ai, cuộc sống của ai người đối tư lo, nay chị D xét thấy vợ chồng còn tình cảm, không còn yêu thương, quan tâm chia sẻ cùng nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị D trình bày, vợ chồng có 2 con chung cháu Lê Văn Anh K, sinh ngày 23/6/2012 và cháu Lê Thị Ánh T, sinh ngày 27/8/2013, từ khi vợ chồng ly thân cháu cả hai cháu ở với chị và ông bà ngoại cùng thôn, anh C hầu như không quan tâm hỏi han động viên gì, nay vợ chồng ly hôn nguyện vọng hai cháu ở với chị, chị xin tiếp tục nuôi cả hai con, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mức 5 triệu đồng 1 tháng cho cả hai cháu, nếu anh C có nguyện vọng nuôi con và con đồng thì mỗi người nuôi 1 con, chị xin nuôi cháu T, đề nghị anh C nuôi cháu K không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Bản thân chị D đang làm công nhân tại công ty TNHH Bá Anh. Số 68 tại thị trấn Triệu Sơn có mức thu nhập bình quân hàng tháng là 12 triệu đồng.

Về tài sản và nợ: Chị D trình bày vợ chồng tự giải quyết, chị không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lê Văn C: Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh C trình bày:

Về hôn nhân: Cơ sở kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh thống nhất như chị D trình bày là đúng, nay chị D xin ly hôn anh cũng xác định vợ chồng đã ly thân lâu nay không còn tình cảm và khả năng đoàn tụ là do lỗi của anh, anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có hai con chung như chị D trình bày là đúng, từ nhỏ hai cháu đã ở với ông bà ngoại và từ khi ly vợ chồng ly thân hai cháu tiếp tục ở với ông bà ngoại và chị D, các cháu học tập, sinh hoạt khỏe mạnh bình thường, mặc dù vợ chồng ly thân, hai cháu ở với mẹ nhưng do hai nhà ở gần nhau anh C thỉnh thoảng mới thăm hỏi các cháu, tại biên bản hòa giải thành ngày 17/5/2022 vợ chồng đã thỏa thuận mỗi người nuôi 1 con, anh C nuôi cháu Anh K, chị D nuôi cháu T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai, nay chị D lại thay đổi yêu cầu nuôi cả hai con và yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con mức 5 triệu đồng 1 tháng, tôi không đồng ý để chị D trực tiếp nuôi cả hai con cũng như cấp dưỡng nuôi con vì chị D bận đi làm cả ngày, thu nhập thấp, bản thân tôi làm nghề xây dựng tự do trong huyện thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 9 triệu đồng, nên vợ chồng nuôi 1 con sẽ đảm bảo tốt hơn.

Về tài sản và nợ: Tôi thống nhất ý kiến chị D, vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát:

*> Việc việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng trình tự tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa thực hiện đúng đủ trình tự thủ tục tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không hợp tác làm việc giải quyết vụ án kéo dài.

*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị D xử cho chị D được ly hôn anh C

Về con chung: Căn cứ điều kiện thực tế gia đình của mỗi bên, nguyện vọng của các cháu, để ổn định việc học tập, sinh hoạt của hai cháu, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu cả hai cháu, anh C được quyền đi lai thăm nom hai cháu, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con. Chị D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 5 triệu đồng 1 tháng là cao so với khả năng kinh tế hiện tại của anh C, đề nghị buộc anh C cấp dưỡng nuôi con mức 3.000.000đ một tháng cho cả hai cháu là phù hợp.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Lê Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết ly hôn,

nuôi con chung với và anh Lê Văn C, các đương sự đều đang cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Lê Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/10/2011 tại UBND xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nên là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C tính gia trưởng, không có lập trường, không quan tâm tới gia đình vợ con, hay uống rượu chửi mắng vợ con, chị D động viên góp ý anh C không nghe mà còn có lời lẽ thiếu tế nhị, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình, đoàn thể địa phương khuyên giải nhiều lần nhưng anh C vẫn cứng đầu bất hợp tác, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo, nay chị D xét thấy vợ chồng không còn tình cảm cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Tại Biên bản hòa giải, biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày 17/5/2022 anh C thừa nhận cơ sở kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị D trình bày là đúng, nay chị D xin ly hôn anh cũng xác định vợ chồng đã sống ly thân lâu nay không còn tình cảm và khả năng đoàn tụ, anh đồng ý ly hôn với chị D, tại phiên tòa các đương sự vẫn thống nhất thuận tình ly hôn, sự thuận tình ly hôn của các đương sự phù hợp với tình trạng hôn nhân của vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án và phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị D và anh C.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung Lê Văn Anh K, sinh ngày 23/6/2012 và cháu Lê Thị Ánh T, sinh ngày 27/8/2013, tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị D xin trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nếu anh C có nguyện vọng nuôi con và các cháu đồng ý ở với anh C, thì mỗi người nuôi 1 con, tại biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày 17/5/2022 các đương sự thỏa thuận mỗi người nuôi 1 con, chị D nuôi cháu T, anh C nuôi cháu Kiệt, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai, tuy nhiên trong thời hạn 07 ngày, chị D thay đổi ý kiến xin được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con mức 5.000.000đ một tháng vì lý do trước đó cháu K đã không có nguyện vọng ở với anh C, sau khi vợ chồng thỏa thuận ở Tòa án về anh C ép buộc, đe dọa và đánh cháu K, buộc cháu phải sang ở với bố luôn, cháu không đồng ý nên lo sợ và cầu xin được ở với mẹ và em gái.

Sau khi chị D có đơn xin thay đổi ý kiến hòa giải thành về phần con chung và cấp dưỡng nuôi con, Tòa án đã thông báo cho bị đơn anh C biết nhưng anh C không có ý kiến gì, tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn giữ yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và trình bày bản thân anh có việc làm và thu nhập bình quân hàng tháng từ 9 triệu đồng trở lên, anh làm tự do nên có điều kiện thời gian chăm sóc cháu K tốt hơn chị D.

Xét thấy nguyện vọng nuôi con của vợ chồng là chính đáng, quá trình khởi kiện và lời khai của chị D đều thể hiện nguyện vọng nuôi cả hai con và hai cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ, tuy nhiên tại biên bản hòa giải thành ngày 17/5/2022 các đương sự thỏa thuận mỗi người nuôi 1 con, sự thỏa thuận của các đương sự không phù hợp với nguyện vọng của các con, không phù hợp với thực tế là từ nhỏ đến nay cả hai cháu luôn luôn ở với mẹ và ông bà ngoại, các cháu đều học tập sinh hoạt, khỏe mạnh bình thường, anh C cũng thừa nhận điều này, tại phiên tòa cả hai con của vợ chồng đều có mặt, khi thấy bố giành nuôi, cháu K đã khóc lóc thiết tha xin Hội đồng xét xử, xin bố để được ở với mẹ và ông bà ngoại vì bố hay uống rượu và chửi mắng các cháu và mẹ, không quan tâm đến các cháu. Tại phiên tòa có mặt ông bà ngoại hai cháu và em gái anh C tham dự đều chứng kiến và xác nhận, Khi được HĐXX hỏi tại Tòa các cháu trình bày anh hay uống rượu, chửi mắng các cháu có đúng không, anh C chỉ im lặng cuối đầu không trả lời.

Xét điều kiện nuôi con của anh C. Anh C trình bày có việc làm và thu nhập ổn định hàng tháng từ 9 triệu đồng trở lên, mặc dù quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án hướng dẫn giải thích quy định của pháp luật việc cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con nhưng đến tại phiên tòa hôm nay không cung cấp được nên không có căn cứ xem xét.

Sau khi chị D thay đổi ý kiến thỏa thuận về phần con chung, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết đồng thời tiến hành xác minh tại địa phương nơi vợ chồng và con chưa thành niên đang cư trú sinh sống, thì thấy trước đó và từ khi vợ chồng ly thân cả hai cháu ở với chị D và ông bà ngoại, anh C không quan tâm động viên, hỏi han gì mà hay uống rượu chửi mắng vợ con, nghề nghiệp không ổn định nên các cháu không thích ở với bố.

Xét điều kiện nuôi con của chị D. Chị D có việc làm và thu nhập ổn định hàng tháng 12 triệu đồng, làm hành chính cách nhà không xa, hiện tại chị D đang ở chung với bố mẹ nhưng bố mẹ chị D còn trẻ khỏe, có hai ông bà, nhà cửa rộng rãi, kinh tế ổn định, từ nhỏ đến nay hai con của vợ chồng đều được ông bà ngoại trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, mọi người đều yêu thương chăm sóc các cháu, các cháu đều chăm ngoan, học tập sinh hoạt khỏe mạnh bình thường anh C cũng thừa nhận điều này, như vậy việc chị D xin thay đổi thỏa thuận trước đó để yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con là có căn cứ, điều kiện nuôi con của chị D là phù hợp với thực tế, phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, phù hợp với nguyện vọng các con trên bảy tuổi, để ổn định việc học tập, sinh hoạt và tâm lý các cháu,

HĐXX giao chị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung của vợ chồng, việc giao chị D trực tiếp nuôi cả hai con không làm ảnh hưởng nhiều đến nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con của anh C vì hai gia đình ở cùng thôn, nhà gần nhau, hơn nữa anh C làm xây dựng hay đi làm xa, về muộn, bố anh C đã mất, mẹ anh C tuổi cao, sức khỏe yếu, nên việc giao chị D nuôi cả hai con sẽ đảm bảo tốt hơn việc chăm sóc, giáo dục các con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, anh C được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi hai con mức 5 triệu đồng 1 tháng, anh C không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng chị D có thu nhập cao nên không cần phải cấp dưỡng. Xét thấy chị D trực tiếp nuôi cả hai con và có yêu cầu cấp dưỡng là chính đáng, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D là phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “ Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” tuy nhiên mức yêu cầu cấp dưỡng của chị Dung là cao so với điều kiện và khả năng kinh tế của anh C hiện tại không có việc là thu nhập ổn định, nên chỉ chấp nhận và buộc anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.500.000đ/ tháng, hai cháu là 3.000.000đ/ tháng, kể từ tháng 6/2022 cho đến khi K và cháu T đủ 18 tuổi, Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản, nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn anh Lê Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 55, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Lê Văn C.

Về con chung: Giao chị Lê Thị D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung của vợ chồng cháu Lê Văn Anh K, sinh ngày 23/6/2012 và cháu Lê Thị Ánh T, sinh ngày 27/8/2013, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con cùng chị D mỗi cháu 1.500.000đ/tháng, hai cháu là 3.000.000đ/ tháng (ba triệu đồng) kể từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu K và cháu T đủ 18 tuổi, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu

Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con, anh C được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở nhưng nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 6601 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, chị D đã nộp đủ án phí. Anh Lê Văn C phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- UBND xã Thọ Tân;
- Các đương sự;
- Công TTĐT-TAND;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Lê Đình Hợp